

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HNGĐ-ST

Ngày 18/10/2019

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bích

2. Ông Trần Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 18/10/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXX-ST ngày 16/8/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐ-ST ngày 05/9/2019 và Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 378/2019/TB-TA ngày 27/9/2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Anh Hà Văn H, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền nhận nhận văn bản tố tụng cho nguyên đơn anh Hà Văn Huân là: Chị Hà Thị P, sinh năm 1987, trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

-Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (Hiện chị H đang lao động ở Nhật Bản), địa chỉ cụ thể anh H không cung cấp được.

Địa chỉ cuối cùng của chị Nguyễn Thị H ở Việt Nam: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 06/01/2019
Nguyễn đơn anh Hà Văn H trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn ngày 23/7/2013, trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh làm dâu ở chung cùng gia đình nhà chồng khoảng 6 đến 7 tháng. Sau đó chị về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang ở. Sau một thời gian thì chị lại vào Miền Nam ở với anh. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, không quan tâm đến nhau. Nên đến năm 2016 thì chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Tháng 9/2018 thì chị H đi Nhật Bản lao động. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh chị không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Anh chị không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh H còn trình bày: Hiện nay chị H vẫn lao động tại Nhật Bản, anh có gọi điện thoại liên lạc xin địa chỉ cụ thể của chị thì chị cố tình giấu địa chỉ, không cung cấp cho anh nên anh không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị H ở Nhật Bản cho Tòa án được, anh chỉ cung cấp được địa chỉ cuối cùng của chị H ở Việt Nam là tại Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Do anh đi làm ăn xa và do tính chất công việc nên anh không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị H được. Anh đề nghị tòa án cho anh được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị H. Anh cũng ủy quyền cho chị Hà Thị P, sinh năm 1987, trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh và thông báo lại cho anh biết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H hiện đang lao động tại Nhật Bản không có lời khai, vắng mặt tại phiên tòa.

Ngày 29/5/2019 và ngày 20/6/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị H là ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968; trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông H thông báo cho chị H biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Hà Văn H và chị Nguyễn Thị H; Yêu cầu chị H viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu ông H cung cấp

địa chỉ cụ thể của chị H ở Nhật Bản. Tuy nhiên, qua 2 lần làm việc ông Học vẫn giữ nguyên quan điểm là chị H ở Nhật Bản vẫn thường xuyên liên lạc về cho ông nhưng ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H ở Nhật Bản cho tòa án vì đây là việc cá nhân của chị H, đồng thời ông cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị H biết để chị H gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của chị H gửi về.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hà Văn H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thị H vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử đã công bố nội dung vụ án, thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của anh H; Biên bản làm việc với bố đẻ của chị H là ông Nguyễn Văn H và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử; về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn: Đối với nguyên đơn anh Hà Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị Nguyễn Thị H không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị H; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt chị H là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; khoản 2 Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà Văn H. Xử cho anh Hà Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị H. Anh Hà Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng: Anh Hà Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh H.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị H: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị H là ông Nguyễn Văn H để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông H thông báo cho chị H biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc

Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh Hà Văn H và chị Nguyễn Thị H; Yêu cầu chị H viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu ông Học cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H ở Nhật Bản.

Ông H trình bày chị H vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ 2 mà ông H vẫn không chịu cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn chị H cho Tòa án cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị H biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị H.

[2].Về thẩm quyền: Anh Hà Văn H là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh chị Nguyễn Thị H, chị H hiện đang lao động tại Nhật Bản nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 4614/A08-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 26/3/2019 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), địa chỉ cuối cùng của chị H ở Việt Nam là: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3].Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn H và chị Nguyễn Thị H kết hôn ngày 23/7/2013, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh H trình bày: Sau khi kết hôn chị H về nhà chồng làm dâu ở chung cùng gia đình chồng khoảng 6 đến 7 tháng. Sau đó chị H về nhà đẻ ở Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang ở. Sau một thời gian thì chị lại vào Miền Nam ở với anh H. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, không quan tâm đến nhau. Đến năm 2016 thì chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Tháng 9/2018 thì chị H đi Nhật Bản lao động. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh H xin ly hôn chị H. Hội đồng xét xử thấy: Anh H và chị H kết hôn tháng 7/2013, chung sống cùng nhau ở nhà anh được khoảng 6 đến 7 tháng, sau đó chị H về nhà bố mẹ đẻ ở, và vào Miền Nam sống cùng anh. Đến năm 2016 chị H về ở cùng bố mẹ đẻ, không chung sống cùng anh từ năm 2016. Đến tháng 9/2018, chị H đi xuất khẩu lao động không nói cho anh H biết, vợ chồng ít liên lạc với nhau, không quan tâm nhau, ai sống như nào mặc kệ. Ngoài ra, theo địa phương cung cấp: Anh H và chị H kết hôn năm 2013 và sinh sống ở nhà chồng thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang một thời gian ngắn, sau đó hai vợ chồng vào Miền Nam sinh sống. Địa phương cũng biết việc anh H và chị

H mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn cụ thể thế nào địa phương không nắm rõ, chỉ biết anh H và chị H không còn chung sống với nhau nữa. Sau đó địa phương có nghe thông tin là chị H đã đi nước ngoài. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu khởi kiện của anh H xin ly hôn chị H là có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 53, khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, xử cho anh H được ly hôn chị H.

[4].Về con chung: Anh H, chị H không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5].Về tài sản, công nợ: Anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6].Về án phí: Anh Hà Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh H đã nộp đủ.

[7].Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2.Về án phí: Anh Hà Văn H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000274 ngày 10/4/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh H đã nộp đủ.

3.Về quyền kháng cáo bản án: Anh Hà Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Nguyễn Thị H hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Đ, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

